

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Sửu
2. Ông Trần Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXX-ST ngày 24/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐ-ST ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Đình Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan).

Địa chỉ cuối cùng của anh Đình Văn T tại Việt Nam là: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 03/9/2019 nguyên

đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đình Văn T kết hôn vào ngày 03/11/ 2008. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ở chung cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì anh T đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu sang Đài Loan thì anh T vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm gia đình, đến năm 2015 thì vợ chồng chị ít liên lạc với nhau hơn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống và vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Đình Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung là cháu Đình Khánh H, sinh ngày 28/12/2009 và Đình Ngọc M, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T còn trình bày: Hiện nay anh T vẫn ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan chị không cung cấp cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh T nhưng anh T không cung địa chỉ ở Đài Loan cho chị, anh T vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ anh T là ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 trú tại: thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang có tình giấu địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do chị đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đình Văn T.

Tại đơn trình bày đề ngày 06/9/2019 hai cháu Đình Khánh H và Đình Ngọc M trình bày: Các cháu là con của mẹ Nguyễn Thị T và bố Đình Văn T. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì hai cháu xin được ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị T vì mẹ cháu chăm sóc các cháu từ nhỏ đến nay.

Bị đơn anh Đình Văn T không có bản tự khai.

Ngày 06/9/2019 và ngày 16/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Đình Văn T là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, trú tại: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và

yêu cầu bà H thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đình Văn T; yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà H vẫn giữ nguyên quan điểm là anh T ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh T, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết để anh T gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh T gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đình Văn T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh T là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đình Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con chung là cháu Đình Khánh H, sinh năm 2009 và Đình Ngọc M, sinh năm 2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

Đối với bị đơn anh Đình Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị H để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà H thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đình Văn T; Yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Đình Văn T theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Đình Văn Thanh, anh T hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 13439/QLXNC - P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 22/8/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh T xuất nhập cảnh 10 lần, lần gần đây nhất là ngày 14/9/2015 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là: Thôn Vĩnh T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đình Văn T kết hôn năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T. Đến năm 2014 thì anh T đi lao động tại Đài Loan thời gian đầu thì anh T còn thường xuyên liên lạc về cho chị, đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng anh ít liên lạc với nhau hơn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày không hiểu và chia sẻ với nhau

trong cuộc sống và từ năm 2015 đến nay thì anh T chưa về thăm gia đình lần nào nữa và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Đình Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh T chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì anh T đi lao động tại Đài Loan và từ tháng 9 năm 2015 đến nay anh T cũng không về thăm gia đình lần nào và vợ chồng ít liên lạc với nhau hơn và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đình Văn T.

[4]. Về con chung: Chị T và anh T có 2 con chung là cháu Đình Khánh H, sinh ngày 28/12/2009 và Đình Ngọc M, sinh ngày 29/9/2012. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với chị T. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Xét yêu cầu khởi kiện đề nghị được nuôi hai con chung của chị T. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh T đang lao động tại Đài Loan không có mặt tại Việt Nam để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Mặt khác, hai con chung là cháu H và cháu M đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ, từ khi anh T đi lao động nước ngoài các con vẫn do chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung là cháu Đình Khánh H, sinh ngày 28/12/2009 và Đình Ngọc M, sinh ngày 29/9/2012 vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh Đình Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đình Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Đình Khánh H, sinh ngày 28/12/2009 và Đình Ngọc M sinh ngày 29/9/2012. Anh Đình Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000425 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Đình Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình Nguyễn Ngọc Sửu

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Lục Sơn, huyện Lục Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình Nguyễn Ngọc Sửu

Hoàng Thị Thu Hiền

